TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MƯỜNG ẢNG** TỈNH ĐIỆN BIÊN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2023/HNGD-ST
Ngày 20 tháng 3 năm 2023
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MƯỜNG ẢNG, TỈNH ĐIỆN BIÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa***:** Bà **Nguyễn Thị Vân**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông: **Lường Văn Hưởng**

2. Bà: **Mai Thị Trường**

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Mai Hồng Hạnh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Ảng tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thị Minh Thu – Kiểm sát viên

Ngày 20 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 20/2022/TLST-HN&GĐ ngày 17 tháng 11 năm 2022 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con",* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 02 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 02 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lường Thị L, sinh năm 1994.

Nơi ĐKHKTT: Bản M, xã X, huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên. Nơi cư trú: Bản N, xã M, huyện T, tỉnh S. (Có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Bà Hà Thị T1 – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Điện Biên. (Có mặt)

Bị đơn: Anh Lò Văn T, sinh năm 1991.

Nơi cư trú: Bản M, xã X, huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên *(Vắng mặt không có lý do).*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn đề ngày 15/11/2022; tại bản tự khai của chị L ngày 24/11/2022 nguyên đơn chị Lường Thị L trình bày:

* **Về hôn nhân**: Tôi và anh Lò Văn T đăng ký kết hôn vào ngày 20/02/2014 tại UBND xã X, huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên. Trước khi lấy nhau hai bên tự tìm hiểu, tự nguyện yêu nhau, quá trình tìm hiểu không có sự ép buộc và tác động bên ngoài. Sau khi cưới tôi và anh T chuyển về sinh sống tại bản M, xã X, huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên và chung sống hạnh phúc một thời gian. Sau đó phát sinh mâu thuẫn do tính cách không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống. Mâu thuẫn giữa tôi và anh T ngày càng

xấu đi mặc dù đã được hai bên gia đình khuyên giải nhiều lần nhưng không thành. Từ đầu năm 2018 đến nay tôi và anh T sống ly thân. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, tôi đề nghị Tòa án nhân dân huyện Mường Ảng giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Lò Văn T.

*** Về con chung**: Trong quá trình chung sống tôi và anh T có 02 người con chung là cháu Lò Việt A sinh ngày 20/12/2013 và cháu Lò Văn T2 sinh ngày 08/3/2016. Nguyện vọng của tôi sau khi ly hôn là tôi được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục các cháu Việt A và cháu T2 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con chung tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Về tài sản chung, tài sản riêng**: Tôi và anh T không có nên tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Về nợ chung, nợ phải trả, nợ thu về: Tôi và anh T không có nên tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Bị đơn:** Anh Lò Văn T mặc dù được Tòa án thông báo và triệu tập nhiều lần và đúng quy định của pháp luật nhưng anh T vẫn vắng mặt và không có ý kiến gì.

*** Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày**: Yêu cầu của Chị L là có căn cứ và hợp pháp. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Chị L cụ thể như sau:

Thứ nhất về hôn nhân: Chị L và anh Lò Văn T đăng ký kết hôn vào ngày 20/02/2014 tại UBND xã X, huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên. Trước khi lấy nhau hai bên tự tìm hiểu, tự nguyện yêu nhau, quá trình tìm hiểu không có sự ép buộc và tác động bên ngoài. Sau khi cưới chị L và anh T chuyển về sinh sống tại bản M, xã X, huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên và chung sống hạnh phúc một thời gian. Sau đó phát sinh mâu thuẫn do tính cách không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống. Mâu thuẫn giữa chị L và anh T ngày càng xấu đi mặc dù đã được hai bên gia đình khuyên giải nhiều lần nhưng không thành. Từ đầu năm 2018 đến nay chị L và anh T sống ly thân. Vợ chồng anh chị đã sống ly thân, không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, ai biết bổn phận của người đó, điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị L và anh T đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân hôn nhân không đạt được. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị L và tuyên bố chị L được ly hôn anh anh T.

Thứ hai về con chung: chị và anh T có 02 người con chung là cháu Lò Việt A sinh ngày 20/12/2013 và cháu Lò Văn T2 sinh ngày 08/3/2016. Nguyện vọng của chị L sau khi ly hôn là chị L được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục các cháu Việt A và cháu T2 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con chung chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đề nghị Hội đồng xét xử cần chấp nhận nguyện vọng của chị L về việc giao nuôi con chung cũng như vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung.

Thứ ba: Trong quá trình chung sống chị L và anh T không có tài sản chung; nợ chung phải trả, nợ chung lấy về: không có.

Về án phí: Chị L là người dân tộc thiểu số và có đơn xin miễn án phí. Đề nghị Hội đồng xét xử Áp dụng điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14,

ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án miễn toàn bộ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm cho chị L.

*** Trong quá trình giải quyết vụ án:** Tòa án đã tiến hành xác minh nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng chị Lường Thị L và anh Lò Văn T tại bản M, xã X, huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên; Xác minh nơi cư trú của anh Lò Văn T; Xác minh điều kiện kinh tế của chị Lường Thị L tại bản N, xã M, huyện T, tỉnh S.

*** Quan điểm của đại diện VKSND huyện Mường Ảng:** Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ giai đoạn thụ lý đến giai đoạn chuẩn bị xét xử vụ án, xác định quan hệ pháp luật, tư cách người tham gia tố tụng, thời hạn chuẩn bị xét xử, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, thời hạn chuyển hồ sơ cho VKS nghiên cứu, tống đạt các văn bản tố tụng.

Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng, sự có mặt của các thành viên Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa, thủ tục phiên tòa theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa theo quy định tại các Điều 227, 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa ngày hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về hôn nhân: Tuyên bố chị Lường Thị L được ly hôn anh Lò Văn T.

- Con chung: Giao cháu cháu Lò Việt A sinh ngày 20/12/2013 và cháu Lò Văn T2 sinh ngày 08/3/2016 cho chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Về cấp dưỡng nuôi con chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tài sản chung, nợ phải trả, nợ lấy về: Đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Án phí: Miễn án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm cho chị L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích của đương sự, ý kiến của đại diện VKSND huyện Mường Ảng. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án về "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Ngày 17/11/2022, Tòa án nhân dân huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên thụ lý vụ án về "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*". Tòa án ra Thông báo thụ lý vụ án tiến hành tống đạt cho bị đơn là anh Lò Văn T, nhưng không thực hiện được việc tống đạt trực tiếp cho anh T, Tòa án đã tiến hành niêm yết theo quy định của pháp luật. Hết thời hạn 15 ngày bị đơn không có ý kiến gì.

Tòa án ra thông báo về Phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải lần 1, đã tiến hành tống đạt và niêm yết công khai theo quy định của pháp luật nhưng bị đơn không có mặt tại phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và

tại buổi hòa giải, ngày 19/12/2022 chị L có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải. Do vậy, Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tòa án ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử, tống đạt và niêm yết Quyết định theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa ngày 02/3/2023, bị đơn là anh Lò Văn T vắng mặt không có lý do lần thứ nhất, căn cứ khoản 1 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa và ấn định thời gian xét xử lại vào ngày 20/3/2023.

Tại phiên tòa ngày hôm nay, nguyên đơn là chị Lường Thị L giữ nguyên ý kiến về việc ly hôn với anh Lò Văn T như đơn khởi kiện; Bị đơn là anh Lò Văn T vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định đưa vụ án ra xét xử vắng mặt anh Lò Văn T..

[2] Nội dung vụ án:

* *Về hôn nhân*: Theo đơn xin ly hôn đề ngày 15/11/2022; nội dung bản tự khai của chị L ngày 24/11/2022 và các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ. Hội đồng xét xử thấy: Chị L và anh T lấy nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào ngày 20/02/2014 tại UBND xã X, huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên. Thời gian đầu anh Chị L sống hạnh phúc, sau đó chị anh chị phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm. Mâu thuẫn giữa hai vợ chồng anh chị được họ hàng hai bên gia đình khuyên bảo và hoà giải nhiều lần nhưng không thành. Từ đầu năm 2018 đến nay chị L và anh T đã sống ly thân. Xét thấy, vợ chồng anh chị đã sống ly thân, không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, ai biết bổn phận của người đó, điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị L và anh T đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 điều 51 và khoản 1 điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị Lường Thị L. Tuyên xử cho chị Lường Thị L được ly hôn với anh Lò Văn T.

* *Về con chung*: Chị Lường Thị L và anh Lò Văn T có 02 người con chung là cháu Lò Văn T2 sinh ngày 08/3/2016 và cháu Lò Việt A sinh ngày 20/12/2013. Chị L có nguyện vọng sau khi ly hôn, chị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Việt A và cháu T2 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Hiện nay cháu Lò Văn T2 và cháu Lò Việt A đang ở cùng chị L tại bản N, xã M, huyện T, tỉnh S và chị L có đủ điều kiện để nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục các cháu nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu của chị L. Về cấp dưỡng nuôi con chung chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

* *Tài sản chung; tài sản riêng; nợ phải trả; nợ thu về*: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

[3] Về án phí: Chị L là người dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí. Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án. Hội đồng xét xử miễn án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch cho chị L.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 và khoản 1 Điều 461 của BLTTDS 2015.

- Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84, Điều 86 Luật hôn nhân và gia đình 2014.

- Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lường Thị L: Chị Lường Thị L được ly hôn anh Lò Văn T.

2. Về con chung: Giao các cháu Lò Việt A sinh ngày 20/12/2013 và cháu Lò Văn T2 sinh ngày 08/3/2016 cho chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn: Chị L không yêu cầu Toà án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

Anh T có quyền đi lại, thăm nom con chung, không ai được cản trở quyền này. Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên; người thân thích; Cơ quan quản lý Nhà nước về gia đình; Cơ quan quản lý Nhà nước về trẻ em; Hội liên hiệp phụ nữ thì Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung phải trả, nợ chung lấy về: Đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Miễn toàn bộ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch cho chị Lường Thị L.

5. Quyền kháng cáo: Chị L có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú của người vắng mặt.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện Mường Ảng;
- Chi cục THADS huyện Mường Ảng;
- UBND xã X, h.Mường Ảng;
- Đương sự;
- Người BVQ&LIHP cho đương sự;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Vân